

DANH SÁCH SINH VIÊN ĐỦ ĐIỀU KIỆN CÔNG NHẬN TỐT NGHIỆP NĂM 2022
BẬC CAO ĐẲNG

STT	MSSV	HỌ VÀ TÊN	GIỚI TÍNH	NGÀY SINH	XẾP LOẠI TỐT NGHIỆP	CỬ NHÂN/ KỸ SƯ	NGÀNH ĐÀO TẠO	HÌNH THỨC ĐÀO TẠO	SỐ HIỆU BẢNG	SỐ VÀO SỐ	SỐ QUYẾT ĐỊNH	NGÀY QUYẾT ĐỊNH
1	3006170225	Trần Đức Hiếu	Nam	07/06/1999	Trung bình	Kỹ sư thực hành	Công nghệ kỹ thuật máy tính	Chính quy	CA1061	CDD022262220291	163/QĐ-CĐCNTT	07/7/2022
2	3001170434	Nguyễn Trịnh Đạt	Nam	07/05/1999	Khá	Kỹ sư thực hành	Công nghệ thông tin	Chính quy	CA1062	CDD022262220292	163/QĐ-CĐCNTT	07/7/2022
3	3001170471	Nguyễn Minh Phụng	Nam	06/01/1999	Khá	Kỹ sư thực hành	Công nghệ thông tin	Chính quy	CA1063	CDD022262220293	163/QĐ-CĐCNTT	07/7/2022
4	3008170609	Trần Hậu Minh	Nam	10/03/1998	Trung bình	Cử nhân thực hành	Quản trị kinh doanh	Chính quy	CA1064	CDD022262220294	163/QĐ-CĐCNTT	07/7/2022
5	3004170547	Lê Đức Anh Duẩn	Nam	24/02/1999	Trung bình	Kỹ sư thực hành	Công nghệ kỹ thuật máy tính	Chính quy	CA1090	CDD022263220328	267/QĐ-CĐCNTT	25/10/2022
6	506200351	Nguyễn Đức Thọ	Nam	20/05/1995	Xuất sắc	Kỹ sư thực hành	Công nghệ kỹ thuật máy tính	Chính quy	CA1093	CDD022263220331	267/QĐ-CĐCNTT	25/10/2022
7	501200031	Lâm Dương An	Nam	14/05/1999	Giỏi	Kỹ sư thực hành	Công nghệ thông tin	Chính quy	CA1094	CDD022263220332	267/QĐ-CĐCNTT	25/10/2022
8	501200026	Nguyễn Hoàng Chí Bảo	Nam	29/06/2000	Khá	Kỹ sư thực hành	Công nghệ thông tin	Chính quy	CA1095	CDD022263220333	267/QĐ-CĐCNTT	25/10/2022
9	501200001	Phan Thành Công	Nam	30/08/2001	Khá	Kỹ sư thực hành	Công nghệ thông tin	Chính quy	CA1096	CDD022263220334	267/QĐ-CĐCNTT	25/10/2022
10	501200005	Lê Vũ Trung Hiếu	Nam	22/08/1997	Khá	Kỹ sư thực hành	Công nghệ thông tin	Chính quy	CA1097	CDD022263220335	267/QĐ-CĐCNTT	25/10/2022
11	501200035	Lê Hữu Hoàng	Nam	06/03/1998	Khá	Kỹ sư thực hành	Công nghệ thông tin	Chính quy	CA1098	CDD022263220336	267/QĐ-CĐCNTT	25/10/2022
12	501200003	Tạ Công Huy Hoàng	Nam	01/01/1998	Khá	Kỹ sư thực hành	Công nghệ thông tin	Chính quy	CA1099	CDD022263220337	267/QĐ-CĐCNTT	25/10/2022
13	501200018	Lê Ngọc Hưng	Nam	04/09/1993	Giỏi	Kỹ sư thực hành	Công nghệ thông tin	Chính quy	CA1100	CDD022263220338	267/QĐ-CĐCNTT	25/10/2022
14	501200042	Lê Thị Phương Lan	Nữ	01/03/1995	Khá	Kỹ sư thực hành	Công nghệ thông tin	Chính quy	CA1101	CDD022263220339	267/QĐ-CĐCNTT	25/10/2022
15	502200027	Lê Công Nam	Nam	06/06/1997	Khá	Kỹ sư thực hành	Công nghệ thông tin	Chính quy	CA1102	CDD022263220340	267/QĐ-CĐCNTT	25/10/2022
16	501200023	Phạm Thị Phương Thảo	Nữ	05/06/1997	Giỏi	Kỹ sư thực hành	Công nghệ thông tin	Chính quy	CA1103	CDD022263220341	267/QĐ-CĐCNTT	25/10/2022
17	501200040	Trần Quốc Thịnh	Nam	22/06/2001	Giỏi	Kỹ sư thực hành	Công nghệ thông tin	Chính quy	CA1104	CDD022263220342	267/QĐ-CĐCNTT	25/10/2022
18	501200036	Phạm Quốc Tú	Nam	07/08/1998	Khá	Kỹ sư thực hành	Công nghệ thông tin	Chính quy	CA1105	CDD022263220343	267/QĐ-CĐCNTT	25/10/2022
19	501200087	Trần Anh Duy	Nam	08/05/2000	Khá	Kỹ sư thực hành	Công nghệ thông tin	Chính quy	CA1106	CDD022263220344	267/QĐ-CĐCNTT	25/10/2022
20	501200077	Nguyễn Đỗ Minh Quân	Nam	29/06/2000	Giỏi	Kỹ sư thực hành	Công nghệ thông tin	Chính quy	CA1107	CDD022263220345	267/QĐ-CĐCNTT	25/10/2022
21	501200066	Mai Diệp Quốc	Nam	23/01/2000	Khá	Kỹ sư thực hành	Công nghệ thông tin	Chính quy	CA1108	CDD022263220346	267/QĐ-CĐCNTT	25/10/2022
22	501200067	Huỳnh Minh Thi	Nam	24/07/2000	Khá	Kỹ sư thực hành	Công nghệ thông tin	Chính quy	CA1109	CDD022263220347	267/QĐ-CĐCNTT	25/10/2022
23	501200114	Huỳnh Thái Bảo	Nam	17/08/2001	Khá	Kỹ sư thực hành	Công nghệ thông tin	Chính quy	CA1110	CDD022263220348	267/QĐ-CĐCNTT	25/10/2022
24	501200102	Ngô Văn Dũng	Nam	17/01/2000	Giỏi	Kỹ sư thực hành	Công nghệ thông tin	Chính quy	CA1111	CDD022263220349	267/QĐ-CĐCNTT	25/10/2022
25	501200148	Trần Khánh Giang	Nam	13/05/2002	Khá	Kỹ sư thực hành	Công nghệ thông tin	Chính quy	CA1112	CDD022263220350	267/QĐ-CĐCNTT	25/10/2022

STT	MSSV	HỌ VÀ TÊN	GIỚI TÍNH	NGÀY SINH	XẾP LOẠI TỐT NGHIỆP	CỬ NHÂN/ KỸ SƯ	NGÀNH ĐÀO TẠO	HÌNH THỨC ĐÀO TẠO	SỐ HIỆU BẢNG	SỐ VÀO SỔ	SỐ QUYẾT ĐỊNH	NGÀY QUYẾT ĐỊNH
26	501200113	Nguyễn Ngọc Hải	Nam	16/08/2002	Khá	Kỹ sư thực hành	Công nghệ thông tin	Chính quy	CA1113	CDD022263220351	267/QĐ-CĐCNTT	25/10/2022
27	501200205	Lê Anh Kha	Nam	11/01/2002	Khá	Kỹ sư thực hành	Công nghệ thông tin	Chính quy	CA1114	CDD022263220352	267/QĐ-CĐCNTT	25/10/2022
28	501200408	Võ Trần Nhật Khoa	Nam	20/08/2002	Khá	Kỹ sư thực hành	Công nghệ thông tin	Chính quy	CA1115	CDD022263220353	267/QĐ-CĐCNTT	25/10/2022
29	501200158	Cao Đức Mẫn	Nam	14/05/2002	Khá	Kỹ sư thực hành	Công nghệ thông tin	Chính quy	CA1116	CDD022263220354	267/QĐ-CĐCNTT	25/10/2022
30	501200191	Nguyễn Thị Ngân	Nữ	25/04/1999	Giỏi	Kỹ sư thực hành	Công nghệ thông tin	Chính quy	CA1117	CDD022263220355	267/QĐ-CĐCNTT	25/10/2022
31	501200251	Lương Thiện Nhân	Nam	27/02/2002	Khá	Kỹ sư thực hành	Công nghệ thông tin	Chính quy	CA1118	CDD022263220356	267/QĐ-CĐCNTT	25/10/2022
32	501200257	Ngô Minh Nhân	Nam	21/12/2002	Khá	Kỹ sư thực hành	Công nghệ thông tin	Chính quy	CA1119	CDD022263220357	267/QĐ-CĐCNTT	25/10/2022
33	501200342	Lê Thị YẾN	Nữ	03/06/2002	Khá	Kỹ sư thực hành	Công nghệ thông tin	Chính quy	CA1120	CDD022263220358	267/QĐ-CĐCNTT	25/10/2022
34	501200385	Phạm Hoàng Phúc	Nam	04/04/2002	Khá	Kỹ sư thực hành	Công nghệ thông tin	Chính quy	CA1121	CDD022263220359	267/QĐ-CĐCNTT	25/10/2022
35	501200428	Đinh Bảo Tài	Nam	17/04/2002	Trung bình	Kỹ sư thực hành	Công nghệ thông tin	Chính quy	CA1122	CDD022263220360	267/QĐ-CĐCNTT	25/10/2022
36	501200340	Nguyễn Đức Tân	Nam	21/05/2002	Khá	Kỹ sư thực hành	Công nghệ thông tin	Chính quy	CA1123	CDD022263220361	267/QĐ-CĐCNTT	25/10/2022
37	501200226	Nguyễn Văn Thịnh	Nam	14/05/2002	Khá	Kỹ sư thực hành	Công nghệ thông tin	Chính quy	CA1124	CDD022263220362	267/QĐ-CĐCNTT	25/10/2022
38	501200146	Đặng Duy Trí	Nam	10/04/2002	Khá	Kỹ sư thực hành	Công nghệ thông tin	Chính quy	CA1125	CDD022263220363	267/QĐ-CĐCNTT	25/10/2022
39	501200260	Huỳnh Minh Trí	Nam	22/03/2002	Trung bình	Kỹ sư thực hành	Công nghệ thông tin	Chính quy	CA1126	CDD022263220364	267/QĐ-CĐCNTT	25/10/2022
40	501200277	Vô Quốc Trường	Nam	20/05/2001	Khá	Kỹ sư thực hành	Công nghệ thông tin	Chính quy	CA1127	CDD022263220365	267/QĐ-CĐCNTT	25/10/2022
41	501200424	Trần Thị Ngọc Ánh	Nữ	14/09/2002	Khá	Kỹ sư thực hành	Công nghệ thông tin	Chính quy	CA1128	CDD022263220366	267/QĐ-CĐCNTT	25/10/2022
42	501200440	Lê Quang Minh	Nam	17/04/2000	Giỏi	Kỹ sư thực hành	Công nghệ thông tin	Chính quy	CA1129	CDD022263220367	267/QĐ-CĐCNTT	25/10/2022
43	501200300	Nguyễn Thị Nhi	Nữ	01/06/2002	Khá	Kỹ sư thực hành	Công nghệ thông tin	Chính quy	CA1130	CDD022263220368	267/QĐ-CĐCNTT	25/10/2022
44	501200450	Lê Cao Thành Nam	Nam	14/11/2002	Trung bình	Kỹ sư thực hành	Công nghệ thông tin	Chính quy	CA1131	CDD022263220369	267/QĐ-CĐCNTT	25/10/2022
45	501200383	Phạm Nguyễn Đức Thành	Nam	24/10/2002	Khá	Kỹ sư thực hành	Công nghệ thông tin	Chính quy	CA1132	CDD022263220370	267/QĐ-CĐCNTT	25/10/2022
46	501200272	Đặng Nhất Thống	Nam	09/03/1998	Khá	Kỹ sư thực hành	Công nghệ thông tin	Chính quy	CA1133	CDD022263220371	267/QĐ-CĐCNTT	25/10/2022
47	501200289	Võ Tấn Anh Vũ	Nam	04/02/1997	Khá	Kỹ sư thực hành	Công nghệ thông tin	Chính quy	CA1134	CDD022263220372	267/QĐ-CĐCNTT	25/10/2022
48	504200021	Đoàn Thanh Liêm	Nam	26/11/1998	Trung bình	Cử nhân thực hành	Thiết kế đồ họa	Chính quy	CA1135	CDD022263220373	267/QĐ-CĐCNTT	25/10/2022
49	510200028	Trần Giô Suê Vĩnh Phước	Nam	17/11/1998	Khá	Cử nhân thực hành	Thiết kế đồ họa	Chính quy	CA1136	CDD022263220374	267/QĐ-CĐCNTT	25/10/2022
50	510200268	Trịnh Minh Dũng	Nam	10/04/2001	Trung bình	Cử nhân thực hành	Thiết kế đồ họa	Chính quy	CA1137	CDD022263220375	267/QĐ-CĐCNTT	25/10/2022
51	510200284	Vô Văn Hoàng Kha	Nam	30/10/2002	Trung bình	Cử nhân thực hành	Thiết kế đồ họa	Chính quy	CA1138	CDD022263220376	267/QĐ-CĐCNTT	25/10/2022
52	510200162	Trương Phạm Duy Khang	Nam	31/07/2002	Khá	Cử nhân thực hành	Thiết kế đồ họa	Chính quy	CA1139	CDD022263220377	267/QĐ-CĐCNTT	25/10/2022
53	510200150	Trần Thảo Trang	Nữ	06/02/2002	Trung bình	Cử nhân thực hành	Thiết kế đồ họa	Chính quy	CA1140	CDD022263220378	267/QĐ-CĐCNTT	25/10/2022
54	510200382	Huỳnh Như Bình	Nữ	01/06/2002	Khá	Cử nhân thực hành	Thiết kế đồ họa	Chính quy	CA1141	CDD022263220379	267/QĐ-CĐCNTT	25/10/2022
55	510200381	Phạm Văn Hà	Nam	03/02/2002	Trung bình	Cử nhân thực hành	Thiết kế đồ họa	Chính quy	CA1142	CDD022263220380	267/QĐ-CĐCNTT	25/10/2022
56	510200124	Huỳnh Thúy Hân	Nữ	20/03/2002	Khá	Cử nhân thực hành	Thiết kế đồ họa	Chính quy	CA1143	CDD022263220381	267/QĐ-CĐCNTT	25/10/2022
57	510200180	Trần Lê Gia Linh	Nữ	16/07/2002	Giỏi	Cử nhân thực hành	Thiết kế đồ họa	Chính quy	CA1144	CDD022263220382	267/QĐ-CĐCNTT	25/10/2022

STT	MSSV	HỌ VÀ TÊN	GIỚI TÍNH	NGÀY SINH	XẾP LOẠI TỐT NGHIỆP	CỬ NHÂN/ KỸ SƯ	NGÀNH ĐÀO TẠO	HÌNH THỨC ĐÀO TẠO	SỐ HIỆU BẢNG	SỐ VÀO SỔ	SỐ QUYẾT ĐỊNH	NGÀY QUYẾT ĐỊNH	
58	510200409	Nguyễn Thị Ngọc	Nhi	Nữ	16/07/1998	Khá	Cử nhân thực hành	Thiết kế đồ họa	Chính quy	CA1145	CDD022263220383	267/QĐ-CĐCNTT	25/10/2022
59	510200276	Nguyễn Thảo	Vân	Nữ	14/04/2002	Khá	Cử nhân thực hành	Thiết kế đồ họa	Chính quy	CA1146	CDD022263220384	267/QĐ-CĐCNTT	25/10/2022
60	510200153	Đặng Hoàng	Việt	Nam	01/05/2002	Khá	Cử nhân thực hành	Thiết kế đồ họa	Chính quy	CA1147	CDD022263220385	267/QĐ-CĐCNTT	25/10/2022
61	508200195	Nguyễn Khánh	Duy	Nam	24/04/1999	Giỏi	Cử nhân thực hành	Kế toán	Chính quy	CA1148	CDD022263220386	267/QĐ-CĐCNTT	25/10/2022
62	508200617	Huỳnh Nguyễn Thực	Giang	Nữ	23/05/2001	Khá	Cử nhân thực hành	Kế toán	Chính quy	CA1149	CDD022263220387	267/QĐ-CĐCNTT	25/10/2022
63	508200133	Lê Thị Xuân	Mai	Nữ	06/02/2002	Khá	Cử nhân thực hành	Kế toán	Chính quy	CA1150	CDD022263220388	267/QĐ-CĐCNTT	25/10/2022
64	508200501	Nguyễn Ngọc Hà	Ngân	Nữ	26/04/2002	Xuất sắc	Cử nhân thực hành	Kế toán	Chính quy	CA1151	CDD022263220389	267/QĐ-CĐCNTT	25/10/2022
65	508200225	Lư Thị Chúc	Nhi	Nữ	20/03/2002	Khá	Cử nhân thực hành	Kế toán	Chính quy	CA1152	CDD022263220390	267/QĐ-CĐCNTT	25/10/2022
66	508200600	Nguyễn Thị Tuyết	Nhi	Nữ	15/03/2002	Khá	Cử nhân thực hành	Kế toán	Chính quy	CA1153	CDD022263220391	267/QĐ-CĐCNTT	25/10/2022
67	508200619	Phùng Tiểu	Phụng	Nữ	02/06/2002	Khá	Cử nhân thực hành	Kế toán	Chính quy	CA1154	CDD022263220392	267/QĐ-CĐCNTT	25/10/2022
68	508200667	Lê Hải	Thạch	Nữ	18/08/1997	Giỏi	Cử nhân thực hành	Kế toán	Chính quy	CA1155	CDD022263220393	267/QĐ-CĐCNTT	25/10/2022
69	508200500	Bùi Thị Kim	Tuyết	Nữ	24/07/2002	Khá	Cử nhân thực hành	Kế toán	Chính quy	CA1156	CDD022263220394	267/QĐ-CĐCNTT	25/10/2022
70	508200566	Trương Hoàng Mỹ	Uyên	Nữ	07/12/2002	Giỏi	Cử nhân thực hành	Kế toán	Chính quy	CA1157	CDD022263220395	267/QĐ-CĐCNTT	25/10/2022
71	508200061	Nguyễn Thị Tường	Vân	Nữ	10/01/2001	Giỏi	Cử nhân thực hành	Kế toán	Chính quy	CA1158	CDD022263220396	267/QĐ-CĐCNTT	25/10/2022
72	509200547	Huỳnh Tú	Anh	Nữ	28/01/2002	Khá	Cử nhân thực hành	Tài chính - Ngân hàng	Chính quy	CA1159	CDD022263220397	267/QĐ-CĐCNTT	25/10/2022
73	509200582	Lê Tấn	Cường	Nam	13/03/1998	Khá	Cử nhân thực hành	Tài chính - Ngân hàng	Chính quy	CA1160	CDD022263220398	267/QĐ-CĐCNTT	25/10/2022
74	511200574	Nguyễn Anh	Đào	Nữ	26/08/2002	Giỏi	Cử nhân thực hành	Tài chính - Ngân hàng	Chính quy	CA1161	CDD022263220399	267/QĐ-CĐCNTT	25/10/2022
75	509200274	Đinh Thị	Ngọc	Nữ	01/12/2002	Giỏi	Cử nhân thực hành	Tài chính - Ngân hàng	Chính quy	CA1162	CDD022263220400	267/QĐ-CĐCNTT	25/10/2022
76	509200097	Nguyễn Thị Huỳnh	Nhung	Nữ	22/10/1998	Giỏi	Cử nhân thực hành	Tài chính - Ngân hàng	Chính quy	CA1163	CDD022263220401	267/QĐ-CĐCNTT	25/10/2022
77	509200583	Nguyễn Thị Thanh	Trúc	Nữ	12/07/1999	Khá	Cử nhân thực hành	Tài chính - Ngân hàng	Chính quy	CA1164	CDD022263220402	267/QĐ-CĐCNTT	25/10/2022
78	507200060	Bạch Lê Phương	Anh	Nữ	08/02/2000	Giỏi	Cử nhân thực hành	Quản trị kinh doanh	Chính quy	CA1165	CDD022263220403	267/QĐ-CĐCNTT	25/10/2022
79	507200588	Trần Thị Kim	Anh	Nữ	13/12/2002	Khá	Cử nhân thực hành	Quản trị kinh doanh	Chính quy	CA1166	CDD022263220404	267/QĐ-CĐCNTT	25/10/2022
80	507200517	Nguyễn Thanh	Duy	Nam	06/01/2002	Khá	Cử nhân thực hành	Quản trị kinh doanh	Chính quy	CA1167	CDD022263220405	267/QĐ-CĐCNTT	25/10/2022
81	507200080	Nguyễn Hữu	Hào	Nam	26/07/1999	Giỏi	Cử nhân thực hành	Quản trị kinh doanh	Chính quy	CA1168	CDD022263220406	267/QĐ-CĐCNTT	25/10/2022
82	507200024	Lê Thị Kim	Hoàng	Nữ	31/10/2000	Giỏi	Cử nhân thực hành	Quản trị kinh doanh	Chính quy	CA1169	CDD022263220407	267/QĐ-CĐCNTT	25/10/2022
83	507200037	Nguyễn Hoàng	Khánh	Nam	25/11/2001	Giỏi	Cử nhân thực hành	Quản trị kinh doanh	Chính quy	CA1170	CDD022263220408	267/QĐ-CĐCNTT	25/10/2022
84	507200621	Đinh Thị Cẩm	Ly	Nữ	25/12/2002	Giỏi	Cử nhân thực hành	Quản trị kinh doanh	Chính quy	CA1171	CDD022263220409	267/QĐ-CĐCNTT	25/10/2022
85	507200635	Khưu Thùy	Mẫn	Nữ	31/07/2001	Khá	Cử nhân thực hành	Quản trị kinh doanh	Chính quy	CA1172	CDD022263220410	267/QĐ-CĐCNTT	25/10/2022
86	501200596	Lê Diễm	My	Nữ	01/11/2002	Giỏi	Cử nhân thực hành	Quản trị kinh doanh	Chính quy	CA1173	CDD022263220411	267/QĐ-CĐCNTT	25/10/2022
87	507200625	Huỳnh Tấn	Phát	Nam	04/10/2002	Khá	Cử nhân thực hành	Quản trị kinh doanh	Chính quy	CA1174	CDD022263220412	267/QĐ-CĐCNTT	25/10/2022
88	507200666	Bùi Thị	Quyên	Nữ	15/08/2001	Giỏi	Cử nhân thực hành	Quản trị kinh doanh	Chính quy	CA1175	CDD022263220413	267/QĐ-CĐCNTT	25/10/2022
89	507200056	Phan Thị Thanh	Trà	Nữ	06/10/2001	Giỏi	Cử nhân thực hành	Quản trị kinh doanh	Chính quy	CA1176	CDD022263220414	267/QĐ-CĐCNTT	25/10/2022

STT	MSSV	HỌ VÀ TÊN	GIỚI TÍNH	NGÀY SINH	XẾP LOẠI TỐT NGHIỆP	CỬ NHÂN/ KỸ SƯ	NGÀNH ĐÀO TẠO	HÌNH THỨC ĐÀO TẠO	SỐ HIỆU BẢNG	SỐ VÀO SỔ	SỐ QUYẾT ĐỊNH	NGÀY QUYẾT ĐỊNH	
90	507200072	Đoàn Trần Công	Vỹ	Nam	26/12/2001	Khá	Cử nhân thực hành	Quản trị kinh doanh	Chính quy	CA1177	CDD022263220415	267/QĐ-CĐCNTT	25/10/2022
91	507200479	Lê Trường	An	Nam	08/08/2002	Giỏi	Cử nhân thực hành	Quản trị kinh doanh	Chính quy	CA1178	CDD022263220416	267/QĐ-CĐCNTT	25/10/2022
92	507200183	Trần Nhựt	Duy	Nam	19/04/2002	Khá	Cử nhân thực hành	Quản trị kinh doanh	Chính quy	CA1179	CDD022263220417	267/QĐ-CĐCNTT	25/10/2022
93	507200462	Nguyễn Trần Tú	Linh	Nữ	16/01/1999	Giỏi	Cử nhân thực hành	Quản trị kinh doanh	Chính quy	CA1180	CDD022263220418	267/QĐ-CĐCNTT	25/10/2022
94	507200227	Nguyễn Minh	Nguyên	Nam	27/09/2002	Khá	Cử nhân thực hành	Quản trị kinh doanh	Chính quy	CA1181	CDD022263220419	267/QĐ-CĐCNTT	25/10/2022
95	507200142	Trương Ngọc Minh	Nguyệt	Nữ	24/11/2002	Khá	Cử nhân thực hành	Quản trị kinh doanh	Chính quy	CA1182	CDD022263220420	267/QĐ-CĐCNTT	25/10/2022
96	507200159	Phạm Thị Ngọc	Nhi	Nữ	02/11/2002	Giỏi	Cử nhân thực hành	Quản trị kinh doanh	Chính quy	CA1183	CDD022263220421	267/QĐ-CĐCNTT	25/10/2022
97	507200160	Nguyễn Thị Kiều	Oanh	Nữ	18/08/2002	Giỏi	Cử nhân thực hành	Quản trị kinh doanh	Chính quy	CA1184	CDD022263220422	267/QĐ-CĐCNTT	25/10/2022
98	507200120	Nguyễn Văn	Phương	Nam	10/02/2002	Giỏi	Cử nhân thực hành	Quản trị kinh doanh	Chính quy	CA1185	CDD022263220423	267/QĐ-CĐCNTT	25/10/2022
99	507200298	Nguyễn Thị	Quý	Nữ	04/10/2002	Giỏi	Cử nhân thực hành	Quản trị kinh doanh	Chính quy	CA1186	CDD022263220424	267/QĐ-CĐCNTT	25/10/2022
100	507200208	Nguyễn Thị Thùy	Tiên	Nữ	27/10/2002	Khá	Cử nhân thực hành	Quản trị kinh doanh	Chính quy	CA1187	CDD022263220425	267/QĐ-CĐCNTT	25/10/2022
101	507200141	Nguyễn Thị	Trúc	Nữ	26/06/2001	Khá	Cử nhân thực hành	Quản trị kinh doanh	Chính quy	CA1188	CDD022263220426	267/QĐ-CĐCNTT	25/10/2022
102	507200161	Nguyễn Thị Bích	Tuyền	Nữ	14/04/2002	Giỏi	Cử nhân thực hành	Quản trị kinh doanh	Chính quy	CA1189	CDD022263220427	267/QĐ-CĐCNTT	25/10/2022
103	501200070	Nguyễn Công	Đạt	Nam	11/06/2001	Trung bình	Kỹ sư thực hành	Truyền thông và mạng máy tính	Chính quy	CA1190	CDD022263220428	267/QĐ-CĐCNTT	25/10/2022
104	502200261	Nguyễn Quốc	Lương	Nam	07/11/2002	Khá	Kỹ sư thực hành	Truyền thông và mạng máy tính	Chính quy	CA1191	CDD022263220429	267/QĐ-CĐCNTT	25/10/2022
105	501200433	Nguyễn Nhật	Trường	Nam	08/08/1997	Khá	Kỹ sư thực hành	Truyền thông và mạng máy tính	Chính quy	CA1192	CDD022263220430	267/QĐ-CĐCNTT	25/10/2022
106	501200007	Nguyễn Anh	Tuấn	Nam	19/12/1997	Khá	Kỹ sư thực hành	Truyền thông và mạng máy tính	Chính quy	CA1193	CDD022263220431	267/QĐ-CĐCNTT	25/10/2022
107	501200136	Nguyễn Khanh	Tuấn	Nam	07/04/1998	Khá	Kỹ sư thực hành	Truyền thông và mạng máy tính	Chính quy	CA1194	CDD022263220432	267/QĐ-CĐCNTT	25/10/2022
108	608200012	Trần Hồ Minh	Duy	Nam	09/05/1991	Giỏi	Cử nhân thực hành	Kế toán	Chính quy	CA1195	CDD022263220433	267/QĐ-CĐCNTT	25/10/2022